

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính tóm tắt	1 - 2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tóm tắt	6

50
NG
ON
1
3

Số tham chiếu: 60758135/18611298-HN/TT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Kính gửi: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt được lập ngày 17 tháng 4 năm 2017 và được trình bày từ trang 3 đến trang 6, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") và công ty con. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại báo cáo kiểm toán lập ngày 17 tháng 4 năm 2017. Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này và báo cáo tài chính hợp nhất không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt không bao gồm báo cáo lưu chuyển tiền tệ và tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, cho mục đích công khai báo cáo tài chính theo quy định tại Khoản 11, Điều 1 Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 sửa đổi bổ sung một số điều khoản của chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 - "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

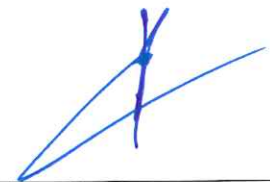
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt - được trích từ báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng và công ty con đã được kiểm toán - đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán và phù hợp với quy định tại Khoản 11, Điều 1 Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 sửa đổi bổ sung một số điều khoản của chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Samán Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1



Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 4 năm 2017

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT
ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
TÀI SẢN		
Tiền mặt, vàng bạc	319.178	271.828
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	1.316.399	393.137
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	2.721.138	7.280.425
Tiền gửi tại các TCTD khác	2.721.138	5.678.425
Cho vay các TCTD khác	-	1.602.000
Chứng khoán kinh doanh	138.813	138.963
Chứng khoán kinh doanh	149.346	149.346
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(10.533)	(10.383)
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	434	-
Cho vay khách hàng	23.649.752	20.671.320
Cho vay khách hàng	24.039.291	20.866.403
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(389.539)	(195.083)
Chứng khoán đầu tư	9.392.526	4.154.640
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	3.921.999	3.398.434
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	5.535.468	801.263
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(64.941)	(45.057)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	112.174	367.320
Đầu tư dài hạn khác	117.280	371.280
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(5.106)	(3.960)
Tài sản cố định	822.355	841.935
Tài sản cố định hữu hình	374.566	399.890
Nguyên giá tài sản cố định	607.730	594.796
Khấu hao tài sản cố định	(233.164)	(194.906)
Tài sản cố định thuê tài chính	52.376	36.830
Nguyên giá tài sản cố định	68.438	43.707
Khấu hao tài sản cố định	(16.062)	(6.877)
Tài sản cố định vô hình	395.413	405.215
Nguyên giá tài sản cố định	450.412	450.924
Hao mòn tài sản cố định	(54.999)	(45.709)
Tài sản Có khác	4.378.836	1.350.397
Các khoản phải thu	3.740.414	601.618
Các khoản lãi, phí phải thu	480.362	494.256
Tài sản Có khác	272.563	261.465
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản	(114.503)	(6.942)
Có nội bảng khác		
TỔNG TÀI SẢN	42.851.605	35.469.965

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

	<i>Số cuối năm Triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm Triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước	2.953	212.863
Tiền gửi và vay các TCTD khác	4.467.901	6.920.441
Tiền gửi của các TCTD khác	4.013.200	6.552.021
Vay các TCTD khác	454.701	368.420
Tiền gửi của khách hàng	34.080.117	24.368.265
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	2.662
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	20.614	19.944
Phát hành giấy tờ có giá	34.250	-
Các khoản nợ khác	812.698	531.169
Các khoản lãi, phí phải trả	687.867	452.455
Các khoản phải trả và công nợ khác	124.831	78.714
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	39.418.533	32.055.344
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Vốn	3.023.748	3.023.748
Vốn cổ phần	3.021.166	3.021.166
Thặng dư vốn cổ phần	2.547	2.547
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định	10	10
Vốn khác	25	25
Các quỹ dự trữ	204.236	199.014
Lợi nhuận chưa phân phối	205.088	191.859
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.433.072	3.414.621
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	42.851.605	35.469.965

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Cam kết giao dịch hối đoái	68.400	89.019
- Cam kết mua ngoại tệ	68.400	44.518
- Cam kết bán ngoại tệ	-	44.501
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	420.087	38.987
Bảo lãnh	205.004	248.907
Tổng cộng	693.491	376.913

Người lập:



Bà Phùng Thị Ngọc Vân
Trưởng bộ phận Kế toán
Tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Lương Thị Cẩm Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 4 năm 2017

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TÓM TẮT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	3.211.377	2.598.017
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(2.062.781)	(1.618.223)
Thu nhập lãi thuần	1.148.596	979.794
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	63.666	64.265
Chi phí hoạt động dịch vụ	(39.735)	(21.336)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	23.931	42.929
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	20.322	635
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(150)	(7.577)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	58.206	29.100
Thu nhập từ hoạt động khác	33.102	37.014
Chi phí hoạt động khác	(18.171)	(14.446)
Lãi thuần từ hoạt động khác	14.931	22.568
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	42.949	17.191
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	1.308.785	1.084.640
Chi phí cho nhân viên	(323.855)	(238.208)
Chi phí khấu hao	(61.910)	(57.447)
Chi phí hoạt động khác	(395.768)	(292.875)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(781.533)	(588.530)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	527.252	496.110
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(481.998)	(243.615)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	45.254	252.495
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(12.391)	(58.208)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.391)	(58.208)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	32.863	194.287
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	109	598

Người lập:



Bà Phùng Thị Ngọc Vân
Trưởng bộ phận Kế toán
Tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Dương Thị Cẩm Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 4 năm 2017